

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Kinh doanh số**

3703000188  
4200636590

ngày 2 tháng 3 năm 2006  
ngày 2 tháng 11 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 24 tháng 6 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Thị Hoa  
Ông Trầm Kim Dũng  
Bà Hoàng Thị Thu Huyền  
Ông Bùi Văn Lang

Ông Phan Vũ Hùng

Ông Cáp Thành Dũng

Ông Nguyễn Thanh Ngữ

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 21 tháng 10 năm 2014)  
Thành viên  
(đến ngày 21 tháng 10 năm 2014)  
Thành viên  
(từ ngày 11 tháng 11 năm 2014)  
Thành viên  
(đến ngày 11 tháng 11 năm 2014)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trầm Kim Dũng  
Ông Trần Quốc Thảo  
Ông Nguyễn Tiến Cường

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ông Phạm Cao Sơn  
Ông Lưu Mạnh Thức  
Ông Bùi Tấn Khải

Trưởng ban Kiểm soát  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Thôn Phước Lâm  
Xã Ninh Xuân  
Thị xã Ninh Hòa  
Tỉnh Khánh Hòa  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa ("Công ty") theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Kim Dũng  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Khánh Hòa, ngày 27 tháng 2 năm 2015



**KPMG Limited**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 27 tháng 2 năm 2015, được trình bày từ trang 4 đến 50. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo soát xét số: 14-01-914



Chang Trung Chun

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 2 năm 2015

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Mẫu B 01a – DN

|                                                                | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2014<br>VND        | 30/6/2014<br>VND         |
|----------------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                                                 |            |             |                          |                          |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b><br>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | <b>100</b> |             | <b>825.665.018.176</b>   | <b>1.179.354.566.897</b> |
| Tiền                                                           | 110        | 5           | 67.917.313.122           | 19.932.166.208           |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn                            | 120        | 6           | 88.000.000.000           | 23.200.000.000           |
| Các khoản phải thu ngắn hạn                                    | 130        | 7           | 598.388.526.731          | 784.699.933.427          |
| Phải thu khách hàng                                            | 131        |             | 275.675.369.443          | 350.503.090.878          |
| Trả trước cho người bán                                        | 132        |             | 245.547.436.902          | 127.665.221.217          |
| Các khoản phải thu khác                                        | 135        |             | 77.351.650.793           | 306.857.297.692          |
| Dự phòng phải thu khó đòi                                      | 139        |             | (185.930.407)            | (325.676.360)            |
| Hàng tồn kho                                                   | 140        | 8           | 22.594.164.441           | 343.597.152.010          |
| Tài sản ngắn hạn khác                                          | 150        |             | 48.765.013.882           | 7.925.315.252            |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                                     | 151        |             | 42.255.513.891           | 959.119.791              |
| Thuế và các khoản khác phải thu                                |            |             |                          |                          |
| Nhà nước                                                       | 154        |             | 248.006.312              | 709.218.291              |
| Tài sản ngắn hạn khác                                          | 158        |             | 6.261.493.679            | 6.256.977.170            |
| <b>Tài sản dài hạn</b><br>(200 = 220 + 250 + 260)              | <b>200</b> |             | <b>875.024.927.244</b>   | <b>741.997.779.137</b>   |
| <b>Tài sản cố định</b>                                         | <b>220</b> |             | <b>346.838.583.148</b>   | <b>341.434.946.866</b>   |
| Tài sản cố định hữu hình                                       | 221        | 9           | 308.083.150.702          | 331.452.211.217          |
| Nguyên giá                                                     | 222        |             | 465.918.703.712          | 468.493.202.550          |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                         | 223        |             | (157.835.553.010)        | (137.040.991.333)        |
| Tài sản cố định vô hình                                        | 227        | 10          | 255.482.676              | 316.966.830              |
| Nguyên giá                                                     | 228        |             | 637.230.534              | 637.230.534              |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                         | 229        |             | (381.747.858)            | (320.263.704)            |
| Xây dựng cơ bản dở dang                                        | 230        | 11          | 38.499.949.770           | 9.665.768.819            |
| <b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>                      | <b>250</b> | <b>12</b>   | <b>515.322.322.559</b>   | <b>387.834.434.709</b>   |
| Đầu tư vào các công ty con                                     | 251        |             | 252.804.676.837          | 131.406.800.187          |
| Đầu tư vào các công ty liên kết                                | 252        |             | 179.525.027.902          | 179.525.027.902          |
| Đầu tư dài hạn khác                                            | 258        |             | 109.101.234.798          | 109.101.234.798          |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn                     | 259        |             | (26.108.616.978)         | (32.198.628.178)         |
| <b>Tài sản dài hạn khác</b>                                    | <b>260</b> |             | <b>12.864.021.537</b>    | <b>12.728.397.562</b>    |
| Chi phí trả trước dài hạn                                      | 261        | 13          | 12.765.521.537           | 12.659.897.562           |
| Tài sản dài hạn khác                                           | 268        |             | 98.500.000               | 68.500.000               |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b><br>(270 = 100 + 200)                       | <b>270</b> |             | <b>1.700.689.945.420</b> | <b>1.921.352.346.034</b> |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

|                                             | <b>Mã số</b> | <b>Thuyết minh</b> | <b>31/12/2014<br/>VND</b> | <b>30/6/2014<br/>VND</b> |
|---------------------------------------------|--------------|--------------------|---------------------------|--------------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                            |              |                    |                           |                          |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>        | <b>300</b>   |                    | <b>778.014.197.790</b>    | <b>1.067.913.973.248</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b>   |                    | <b>636.368.494.902</b>    | <b>915.284.925.311</b>   |
| Vay ngắn hạn                                | 311          | 14                 | 553.810.496.794           | 711.400.179.612          |
| Phải trả người bán                          | 312          | 15                 | 48.957.492.983            | 77.650.872.646           |
| Người mua trả tiền trước                    | 313          |                    | 113.359.010               | 136.571.044              |
| Thuế phải nộp Nhà nước                      | 314          | 16                 | 11.726.530.894            | 18.024.470.609           |
| Phải trả người lao động                     | 315          |                    | 3.073.083.974             | 10.851.139.921           |
| Chi phí phải trả                            | 316          | 17                 | 6.695.652.753             | 29.770.053.925           |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác           | 319          | 18                 | 6.900.114.401             | 59.884.242.094           |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi                 | 323          | 19                 | 5.091.764.093             | 7.567.395.460            |
| <b>Vay và nợ dài hạn</b>                    | <b>330</b>   |                    | <b>141.645.702.888</b>    | <b>152.629.047.937</b>   |
| Vay và nợ dài hạn                           | 334          | 20                 | 141.645.702.888           | 152.629.047.937          |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>           | <b>400</b>   |                    | <b>922.675.747.630</b>    | <b>853.438.372.786</b>   |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b>   | <b>21</b>          | <b>922.675.747.630</b>    | <b>853.438.372.786</b>   |
| Vốn cổ phần                                 | 411          | 22                 | 607.500.000.000           | 607.500.000.000          |
| Thặng dư vốn cổ phần                        | 412          | 22                 | 12.165.550.000            | 12.165.550.000           |
| Quỹ đầu tư phát triển                       | 417          |                    | 111.993.139.098           | 111.993.139.098          |
| Quỹ dự phòng tài chính                      | 418          |                    | 18.371.956.237            | 18.371.956.237           |
| Lợi nhuận chưa phân phối                    | 420          |                    | 172.645.102.295           | 103.407.727.451          |
| <b>TỔNG NGUỒN VỐN<br/>(440 = 300 + 400)</b> | <b>440</b>   |                    | <b>1.700.689.945.420</b>  | <b>1.921.352.346.034</b> |

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

|                     | <b>31/12/2014<br/>VND</b> | <b>30/6/2014<br/>VND</b> |
|---------------------|---------------------------|--------------------------|
| Ngoại tệ (Đô la Mỹ) | 15.178.594.377            | 209.345.880              |

Ngày 27 tháng 2 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Như Hiếu

Ngô Thị Thu Trang

Võ Thị Thủy Tiên

Trần Kim Dũng

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Mẫu B 02a – DN

|                                                                                  | Mã số     | Thuyết minh | Từ 1/7/2014<br>đến 31/12/2014<br>VND | Từ 1/7/2013<br>đến 31/12/2013<br>VND |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| Tổng doanh thu                                                                   | 01        | 23          | 439.641.294.198                      | 363.391.448.809                      |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                                                     | 02        | 23          | 2.139.442.134                        | 771.590.000                          |
| <b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>                                            | <b>10</b> | <b>23</b>   | <b>437.501.852.064</b>               | <b>362.619.858.809</b>               |
| Giá vốn hàng bán                                                                 | 11        | 24          | 351.396.892.542                      | 291.818.243.400                      |
| <b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>                                              | <b>20</b> |             | <b>86.104.959.522</b>                | <b>70.801.615.409</b>                |
| Doanh thu hoạt động tài chính                                                    | 21        | 25          | 20.836.500.764                       | 22.071.261.638                       |
| Chi phí tài chính                                                                | 22        | 26          | 17.849.894.525                       | 28.280.209.319                       |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                                                        | 23        |             | 23.487.084.639                       | 16.867.250.375                       |
| Chi phí bán hàng                                                                 | 24        |             | 9.155.393.916                        | 11.102.915.264                       |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                                                     | 25        |             | 15.015.572.406                       | 22.791.082.914                       |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b> | <b>30</b> |             | <b>64.920.599.439</b>                | <b>30.698.669.550</b>                |
| Thu nhập khác                                                                    | 31        | 27          | 256.079.915.547                      | 2.112.224.622                        |
| Chi phí khác                                                                     | 32        | 28          | 253.153.242.841                      | 2.305.159.524                        |
| <b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>                              | <b>40</b> |             | <b>2.926.672.706</b>                 | <b>(192.934.902)</b>                 |
| <b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>                                       | <b>50</b> |             | <b>67.847.272.145</b>                | <b>30.505.734.648</b>                |
| (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hiện hành                                           | 51        | 29          | (1.610.102.699)                      | 6.263.882.081                        |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                                       | 52        | 29          | -                                    | -                                    |
| <b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>                               | <b>60</b> |             | <b>69.457.374.844</b>                | <b>24.241.852.567</b>                |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                                                  | <b>70</b> | <b>30</b>   | <b>1.143</b>                         | <b>711</b>                           |

Ngày 27 tháng 2 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Như Hiếu

Ngô Thị Thu Trang

Võ Thị Thủy Tiên

Trần Kim Dũng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN**

|                                                                                | <b>Mã<br/>số</b> | <b>Thuyết<br/>minh</b> | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                 |                  |                        |                                               |                                               |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                                    | <b>01</b>        |                        | <b>67.847.272.145</b>                         | <b>30.505.734.648</b>                         |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>                                                |                  |                        |                                               |                                               |
| Khấu hao và phân bổ                                                            | 02               |                        | 22.350.165.737                                | 1.284.415.193                                 |
| Các khoản dự phòng                                                             | 03               |                        | (6.229.757.153)                               | 10.275.187.273                                |
| Thu nhập lãi và cổ tức                                                         | 05               |                        | (20.717.829.906)                              | (22.071.261.638)                              |
| Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định                                           | 05               |                        | 47.180.812                                    | (48.513.810)                                  |
| Chi phí lãi vay                                                                | 06               |                        | 23.487.084.639                                | 16.867.250.375                                |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh<br/>trước những thay đổi vốn lưu động</b> | <b>08</b>        |                        | <b>86.784.116.274</b>                         | <b>36.812.812.041</b>                         |
| Biến động các khoản phải thu và tài<br>sản ngắn hạn khác                       | 09               |                        | 203.310.310.140                               | (55.619.340.042)                              |
| Biến động hàng tồn kho                                                         | 10               |                        | 321.002.987.569                               | 324.240.186.837                               |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải<br>trả khác                            | 11               |                        | (108.604.467.745)                             | (143.835.321.708)                             |
| Biến động chi phí trả trước                                                    | 12               |                        | (41.402.018.075)                              | (2.150.239.292)                               |
|                                                                                |                  |                        | <b>461.090.928.163</b>                        | <b>159.448.097.836</b>                        |
| Tiền lãi vay đã trả                                                            | 13               |                        | (26.408.222.356)                              | (16.380.540.667)                              |
| Thuế thu nhập đã nộp                                                           | 14               |                        | (18.104.677.326)                              | (14.502.162.219)                              |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                          | 15               |                        | 16.248.338.587                                | -                                             |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                         | 16               |                        | (3.804.675.808)                               | (3.629.682.418)                               |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động<br/>kinh doanh</b>                   | <b>20</b>        |                        | <b>429.021.691.260</b>                        | <b>124.935.712.532</b>                        |

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

|                                                              | <b>Mã<br/>số</b> | <b>Thuyết<br/>minh</b> | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|--------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                   |                  |                        |                                               |                                               |
| Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác         | 21               |                        | (19.810.971.309)                              | (329.949.532.452)                             |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 22               |                        | 1.062.953.636                                 | 900.000.000                                   |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác                  | 25               |                        | (118.312.798.600)                             | (123.943.959.184)                             |
| Tiền chi đầu tư cho vay và tiền gửi có kỳ hạn                | 25               |                        | (64.800.000.000)                              | (70.000.000.000)                              |
| Tiền thu lãi và cổ tức                                       | 27               |                        | 19.772.299.794                                | 17.860.484.438                                |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>         | <b>30</b>        |                        | <b>(182.088.516.479)</b>                      | <b>(505.133.007.198)</b>                      |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                |                  |                        |                                               |                                               |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu                               | 31               |                        | -                                             | 303.548.120.000                               |
| Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được                       | 33               |                        | 761.227.601.332                               | 948.700.665.785                               |
| Tiền chi trả nợ gốc vay                                      | 34               |                        | (929.800.629.199)                             | (601.523.436.009)                             |
| Tiền chi trả cổ tức                                          | 36               |                        | (30.375.000.000)                              | (45.562.500.000)                              |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>      | <b>40</b>        |                        | <b>(198.948.027.867)</b>                      | <b>605.162.849.776</b>                        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>    | <b>50</b>        |                        | <b>47.985.146.914</b>                         | <b>224.965.555.110</b>                        |
| <b>Tiền đầu kỳ</b>                                           | <b>60</b>        |                        | <b>19.932.166.208</b>                         | <b>93.752.549.025</b>                         |
| <b>Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>                           | <b>70</b>        | <b>5</b>               | <b>67.917.313.122</b>                         | <b>318.718.104.135</b>                        |

Ngày 27 tháng 2 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính

Võ Thị Thủy Tiên



Trưởng ban kiểm soát

Trần Kim Dũng

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

## **Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**Mẫu B 09a – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (“Nhà máy Đường Ninh Hòa - Công ty Đường Khánh Hòa”) theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ từ mía; sản xuất và kinh doanh mua bán điện; thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; mua bán các vật tư nông nghiệp và kinh doanh bất động sản; sản xuất và kinh doanh phân bón; và kinh doanh dịch vụ kho bãi.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 125/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông vào ngày 12 tháng 6 năm 2014, các cổ đông đã thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu của Công ty. Trong đó, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa sẽ phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty theo tỷ lệ hoán đổi 1:1. Kết quả là Công ty sẽ chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Tại ngày lập báo cáo này, việc hoán đổi cổ phiếu này vẫn chưa hoàn tất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 419 nhân viên (30/6/2014: 410 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm là báo cáo tài chính riêng giữa niên độ mà trong đó các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ khoản dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư này, nếu có. Công ty có lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trong đó bao gồm tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các công ty con. Công ty phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(c) Kỳ kế toán năm**

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán đầu tiên sau thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014; và
- Kỳ kế toán các năm tiếp theo là từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(c) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh trước ngày Công ty mua khoản đầu tư đó được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(e) Trả trước cho người bán**

Trong khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Từ ngày 1 tháng 7 năm 2014, Công ty điều chỉnh thời gian hữu dụng ước tính để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình.

Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình của Công ty trước và sau khi điều chỉnh như sau:

|                            | <b>Trước</b> | <b>Sau</b> |
|----------------------------|--------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 10 – 25 năm  | 6 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị      | 3 – 15 năm   | 5 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển   | 3 – 5 năm    | 3 – 8 năm  |
| ▪ thiết bị văn phòng       | 10 năm       | 10 năm     |

Ảnh hưởng đối với giá trị chi phí khấu hao trong kỳ là đã làm tăng giá trị chi phí khấu hao 2 tỷ VND.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

**(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2013, quyền sử dụng đất thuê được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê đất. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), trong đó quy định quyền sử dụng đất đối với đất thuê sau ngày 1 tháng 7 năm 2004 (ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003) không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và do đó được phân loại lại là chi phí đất trả trước trong chi phí trả trước dài hạn. Chi phí đất trả trước được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 6 đến 28 năm.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Dự phòng chi phí bảo trì trước mùa vụ**

Trong những năm tài chính trước, Công ty trích trước một số khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC. Những chi phí này bao gồm chi phí bảo trì máy móc, chi phí nhân công thực hiện công việc bảo trì máy móc và chi phí khấu hao máy móc (“chi phí bảo trì trước mùa vụ”), những chi phí này được ước tính và bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất trước.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán sang ghi nhận những chi phí này trong tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn, những chi phí này nằm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng chi phí bảo trì trước mùa vụ này phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ góp phần vào việc duy trì hoạt động của những tài sản này trong suốt mùa vụ sản xuất tiếp theo. Công ty không có nghĩa vụ phát sinh những chi phí này sau mỗi mùa vụ sản xuất, do đó không bắt buộc phải trích trước những chi phí này. Do đó, Công ty cho rằng chính sách kế toán mới này cung cấp thông tin liên quan và đáng tin cậy hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việc thay đổi chính sách kế toán không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do đó, Công ty đã không thực hiện việc điều chỉnh hồi tố.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(m) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính trước hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(n) Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

**(q) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

**(r) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) *Điện***

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(iii) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(s) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

**(u) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

**(v) Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**4. Báo cáo bộ phận**

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**5. Tiền**

|                                             | <b>31/12/2014</b><br><b>VND</b> | <b>30/6/2014</b><br><b>VND</b> |
|---------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| Tiền mặt                                    | 72.820.862                      | 32.726.504                     |
| Tiền gửi ngân hàng                          | 67.844.492.260                  | 19.899.439.704                 |
|                                             |                                 |                                |
| Tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng | 67.917.313.122                  | 19.932.166.208                 |

**6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh khoản cho Công ty Cổ phần Bò Giồng Miền Trung vay với thời gian đáo hạn là một năm, khoản cho Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Khu công nghiệp Đặng Huỳnh vay với thời gian đáo hạn là một tháng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn hơn ba tháng kể từ ngày gửi tiền. Các khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm lần lượt là từ 8,5% đến 9,5% và từ 5,3% đến 7% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: lần lượt là 8% và 7% một năm).

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm 22 tỷ VND (30/6/2014: 22 tỷ VND) đã được dùng để thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**7. Các khoản phải thu ngắn hạn**

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các công ty liên quan như sau:

|                                          | <b>31/12/2014</b><br><b>VND</b> | <b>30/6/2014</b><br><b>VND</b> |
|------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| <b>Phải thu từ các công ty liên quan</b> |                                 |                                |
| Thương mại                               | 275.553.929.446                 | 244.114.779.625                |
| Phi thương mại                           | 67.099.419.919                  | 297.534.666.293                |

Khoản phải thu thương mại và phi thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Trong trả trước cho người bán có khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 191.168 triệu VND (30/6/2014: 124.916 triệu VND). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không được đảm bảo, ngoại trừ các khoản trả trước với giá trị lớn hơn 300 triệu VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm từ 9% đến 10% trong kỳ. Trong trường hợp nông dân hoàn thành một số điều kiện theo hợp đồng, Công ty sẽ hỗ trợ một phần lãi suất cho nông dân tương ứng từ 20% đến 35% số tiền lãi phải trả. Các khoản trả trước này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản phải thu của Công ty với giá trị ghi sổ là 86 tỷ VND (30/6/2014: 106 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, không có khoản trả trước cho người bán được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (30/6/2014: 72 tỷ VND).

Trong kỳ, Công ty đã cần trừ tổng cộng 42.263 triệu VND trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 27.062 triệu VND).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

|                                                                                                                | 31/12/2014<br>VND    | 30/6/2014<br>VND      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Chuyển giao dự án nhiệt điện bã mía cho Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (a)                               | -                    | 230.383.897.177       |
| Chuyển giao bộ máy phát điện bằng tua bin với công suất 30.000 kW cho Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (a) | 56.797.200.000       | 56.797.200.000        |
| Phải thu từ Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu (b)                                                    | -                    | 5.679.720.000         |
| Đặt cọc theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (c)                         | -                    | 3.085.078.050         |
| Chi trả hộ Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa                                                                | 8.697.149.007        | 6.586.961.173         |
| Tạm ứng để thanh lý cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường 333 (d)                                             | 5.368.740.930        | -                     |
| Khoản phải thu từ thanh lý tài sản cố định                                                                     | 1.567.500.000        | 1.828.750.000         |
| Lãi phải thu từ các khoản cho Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Khu công nghiệp Đặng Huỳnh vay              | 2.853.472.222        | -                     |
| Lãi phải thu do thanh toán chậm                                                                                | -                    | 1.590.608.776         |
| Lãi phải thu từ các khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công vay                                      | -                    | 339.291.667           |
| Lãi phải thu từ các khoản cho Công ty Cổ phần Bò Giồng Miền Trung vay                                          | 21.958.333           | -                     |
| Phải thu khác                                                                                                  | 2.045.630.301        | 565.790.849           |
|                                                                                                                | <hr/> 77.351.650.793 | <hr/> 306.857.297.692 |

- (a) Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã chuyển giao máy móc và thiết bị liên quan đến dự án nhiệt điện bã mía và bộ máy phát điện bằng tua bin với công suất 30.000 kW cho Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (“Nhiệt điện Ninh Hòa”), một công ty con. Các máy móc và thiết bị này đã được Nhiệt điện Ninh Hòa đưa vào sử dụng. Trong tháng 12 năm 2014, Công ty đã bán các máy móc và thiết bị này với giá trị là 251 tỷ VND cho Nhiệt điện Ninh Hòa.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

- (b) Theo hợp đồng thuê tài chính số 05.04.13/HĐTC-ĐNH ký với Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu ngày 22 tháng 4 năm 2013, Công ty thuê một bộ máy phát điện bằng tua bin với công suất 30.000 kW với giá trị là 2.734.000 Đô la Mỹ. Bộ máy phát điện bằng tua bin đã được chuyển giao cho Nhiệt điện Ninh Hòa (xem (a)). Khoản này thể hiện thuế giá trị gia tăng liên quan đến máy phát điện mà Công ty trả thay cho Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu.
- (c) Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty đã đặt cọc mua 1.123.890 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang, một công ty con, từ Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã nhận được giấy chứng nhận cổ phiếu và thực hiện việc mua các cổ phiếu này.
- (d) Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 25 tháng 12 năm 2014 đã quyết định thanh lý toàn bộ lợi ích của Công ty trong Công ty Cổ phần Mía đường 333. Khoản này là tiền Công ty tạm ứng cho một nhà môi giới chứng khoán để thực hiện việc thanh lý. Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã thanh lý 3.508.981 cổ phiếu.

**8. Hàng tồn kho**

|                    | 31/12/2014<br>VND | 30/6/2014<br>VND |
|--------------------|-------------------|------------------|
| Nguyên vật liệu    | 17.682.229.212    | 10.385.615.745   |
| Công cụ và dụng cụ | 48.262.039        | 36.955.903       |
| Sản phẩm dở dang   | 1.323.177.561     | 527.625.073      |
| Thành phẩm         | -                 | 319.255.740.853  |
| Hàng hóa           | 3.540.495.629     | 13.391.214.436   |
|                    | <hr/>             | <hr/>            |
|                    | 22.594.164.441    | 343.597.152.010  |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 22 tỷ VND (30/6/2014: 343.597 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**9. Tài sản cố định hữu hình**

| <b>Nguyên giá</b>                   | <b>Nhà cửa và<br/>vật kiến trúc<br/>VND</b> | <b>Máy móc và<br/>thiết bị<br/>VND</b> | <b>Phương tiện<br/>vận chuyển<br/>VND</b> | <b>Thiết bị<br/>văn phòng<br/>VND</b> | <b>Tổng<br/>VND</b>    |
|-------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu kỳ                        | 38.822.051.936                              | 417.498.613.768                        | 9.854.869.197                             | 2.317.667.649                         | 468.493.202.550        |
| Tăng trong kỳ                       | 14.066.418                                  | 1.352.626.930                          | 1.128.125.455                             | -                                     | 2.494.818.803          |
| Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang | -                                           | (2.726.313.287)                        | -                                         | -                                     | (2.726.313.287)        |
| Phân loại lại                       | 15.157.332.178                              | (15.157.332.178)                       | -                                         | -                                     | -                      |
| Thanh lý                            | -                                           | (1.409.361.989)                        | (933.642.365)                             | -                                     | (2.343.004.354)        |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                | <b>53.993.450.532</b>                       | <b>399.558.233.244</b>                 | <b>10.049.352.287</b>                     | <b>2.317.667.649</b>                  | <b>465.918.703.712</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>       |                                             |                                        |                                           |                                       |                        |
| Số dư đầu kỳ                        | 15.740.027.786                              | 117.766.279.424                        | 2.919.129.275                             | 615.554.848                           | 137.040.991.333        |
| Khấu hao trong kỳ                   | 2.541.314.577                               | 19.027.267.275                         | 523.601.237                               | 196.498.494                           | 22.288.681.583         |
| Thanh lý                            | -                                           | (798.226.874)                          | (695.893.032)                             | -                                     | (1.494.119.906)        |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                | <b>18.281.342.363</b>                       | <b>135.995.319.825</b>                 | <b>2.746.837.480</b>                      | <b>812.053.342</b>                    | <b>157.835.553.010</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>              |                                             |                                        |                                           |                                       |                        |
| Số dư đầu kỳ                        | 23.082.024.150                              | 299.732.334.344                        | 6.935.739.922                             | 1.702.112.801                         | 331.452.211.217        |
| Số dư cuối kỳ                       | 35.712.108.169                              | 263.562.913.419                        | 7.302.514.807                             | 1.505.614.307                         | 308.083.150.702        |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được mua trước ngày 10 tháng 2 năm 2006 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 9.492 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (30/6/2014: 9.362 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 193.856 triệu VND (30/6/2014: 312.847 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**10. Tài sản cố định vô hình**

|                               | <b>Quyền<br/>sử dụng đất<br/>VND</b> | <b>Phần mềm<br/>vi tính<br/>VND</b> | <b>Tổng<br/>VND</b> |
|-------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|
| <b>Nguyên giá</b>             |                                      |                                     |                     |
| Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ | 58.150.600                           | 579.079.934                         | 637.230.534         |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> |                                      |                                     |                     |
| Số dư đầu kỳ                  | -                                    | 320.263.704                         | 320.263.704         |
| Khấu hao trong kỳ             | -                                    | 61.484.154                          | 61.484.154          |
| Số dư cuối kỳ                 | -                                    | 381.747.858                         | 381.747.858         |
| <b>Giá trị còn lại</b>        |                                      |                                     |                     |
| Số dư đầu kỳ                  | 58.150.600                           | 258.816.230                         | 316.966.830         |
| Số dư cuối kỳ                 | 58.150.600                           | 197.332.076                         | 255.482.676         |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

|                                                  | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Số dư đầu kỳ                                     | 9.665.768.819                                 | 4.992.289.047                                 |
| Tăng trong kỳ                                    | 44.941.127.623                                | 245.233.898.143                               |
| Chuyển từ tài sản cố định hữu hình               | 2.726.313.287                                 | -                                             |
| Chuyển sang Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa | (18.833.259.959)                              | -                                             |
|                                                  |                                               |                                               |
| Số dư cuối kỳ                                    | 38.499.949.770                                | 250.226.187.190                               |

Trong kỳ, không có chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 964 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

**12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

|                                                                     | 31/12/2014 |           |                    |                  | 30/6/2014 |           |                    |                  |
|---------------------------------------------------------------------|------------|-----------|--------------------|------------------|-----------|-----------|--------------------|------------------|
|                                                                     | Số lượng   | % vốn hữu | % quyền biểu quyết | VND              | Số lượng  | % vốn hữu | % quyền biểu quyết | VND              |
|                                                                     |            |           |                    |                  |           |           |                    |                  |
| <b>Đầu tư vốn dài hạn vào các công ty con:</b>                      |            |           |                    |                  |           |           |                    |                  |
| ▪ Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (a)                           | 736.195    | 62,92%    | 62,92%             | 15.278.135.340   | 736.195   | 62,92%    | 62,92%             | 15.278.135.340   |
| ▪ Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (b)                           | 3.939.074  | 87,53%    | 87,53%             | 45.526.541.497   | 1.619.198 | 51,68%    | 51,68%             | 24.128.664.847   |
| ▪ Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa (c)                          | -          | 100%      | 100%               | 192.000.000.000  | -         | 100%      | 100%               | 92.000.000.000   |
|                                                                     |            |           |                    | 252.804.676.837  |           |           |                    | 131.406.800.187  |
| <b>Đầu tư vốn dài hạn vào các công ty liên kết:</b>                 |            |           |                    |                  |           |           |                    |                  |
| ▪ Công ty Cổ phần Mía đường 333 (d)                                 | 3.508.981  | 42,1%     | 42,1%              | 42.606.399.724   | 3.508.981 | 42,1%     | 42,1%              | 42.606.399.724   |
| ▪ Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (e)                | 8.800.000  | 22,56%    | 22,56%             | 136.918.628.178  | 8.800.000 | 22,56%    | 22,56%             | 136.918.628.178  |
|                                                                     |            |           |                    | 179.525.027.902  |           |           |                    | 179.525.027.902  |
| <b>Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu:</b>                            |            |           |                    |                  |           |           |                    |                  |
| ▪ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (f)                                  | 8.050.000  | 13,39%    | 13,39%             | 84.000.000.000   | 8.050.000 | 13,39%    | 13,39%             | 84.000.000.000   |
| ▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa                                    | 116.648    | 0,2%      | 0,2%               | 1.401.234.798    | 116.648   | 0,2%      | 0,2%               | 1.401.234.798    |
| ▪ Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín                        | 1.500.000  | 10%       | 10%                | 19.500.000.000   | 1.500.000 | 10%       | 10%                | 19.500.000.000   |
| ▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công | 420.000    | 14%       | 14%                | 4.200.000.000    | 420.000   | 14%       | 14%                | 4.200.000.000    |
|                                                                     |            |           |                    | 109.101.234.798  |           |           |                    | 109.101.234.798  |
|                                                                     |            |           |                    | (26.108.616.978) |           |           |                    | (32.198.628.178) |
|                                                                     |            |           |                    | 515.322.322.559  |           |           |                    | 387.834.434.709  |

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

## **Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

- (a) Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa ban hành ngày 21 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Bò giống Miền Trung là chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn cho gia súc, bò nuôi và các sản phẩm chăn nuôi khác; gia công gỗ và các hoạt động lâm nghiệp; trồng rừng; kinh doanh bất động sản, khách sạn và các hoạt động du lịch.
- (b) Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Đường Phan Rang là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; sản xuất và kinh doanh nước giải khát; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thức ăn gia súc và các sản phẩm nông sản khác; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; cung cấp các dịch vụ gia công và sửa chữa; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và cung cấp các dịch vụ gửi hàng.
- (c) Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa (“Nhiệt Điện Ninh Hòa”) là công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4201575358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 9 tháng 10 năm 2013. Hoạt động chính của Nhiệt Điện Ninh Hòa là sản xuất điện để bán; cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện; bán máy móc, thiết bị và linh kiện cho sản xuất công nghiệp, thương mại, đào mỏ, xây dựng, thiết bị văn phòng; kiến trúc các công trình công nghiệp và dân dụng; cung cấp nguồn nhân lực tạm thời cho hoạt động hệ thống điện và các dịch vụ xây dựng khác.
- (d) Công ty Cổ phần Mía đường 333 (“Đường 333”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4003000094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006. Hoạt động chính của Đường 333 là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, sản xuất hạt điều xuất khẩu, sản xuất và kinh doanh nước uống, nước giải khát; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và kinh doanh các loại nông sản.

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 25 tháng 12 năm 2014 đã quyết định thanh lý toàn bộ lợi ích của Công ty trong Công ty Cổ phần Mía đường 333. Sau ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty đã thanh lý 1.434.399 cổ phiếu.

- (e) Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“SEC”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1950/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18 tháng 7 năm 1997. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm phụ làm từ mía để bán; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.
- (f) Tại ngày 16 tháng 5 năm 2014, Công ty nhận được cổ tức và cổ phiếu thưởng từ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với số lượng là 1.050.000 cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản đầu tư tài chính dài hạn với giá trị là 213 tỷ VND (30/6/2014: 263 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty con trong kỳ như sau:

|                                                 | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Số dư đầu kỳ                                    | 131.406.800.187                               | 14.732.250.000                                |
| Các khoản đầu tư mới trong kỳ                   | 121.397.876.650                               | 94.371.609.240                                |
| Chuyển từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết | -                                             | 22.302.940.947                                |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                            | <b>252.804.676.837</b>                        | <b>131.406.800.187</b>                        |

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ như sau:

|                                              | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Số dư đầu kỳ                                 | 179.525.027.902                               | 153.038.858.905                               |
| Các khoản đầu tư mới trong kỳ                | -                                             | 24.789.109.944                                |
| Chuyển sang các khoản đầu tư vào công ty con | -                                             | (22.302.940.947)                              |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                         | <b>179.525.027.902</b>                        | <b>155.525.027.902</b>                        |

Biến động các khoản đầu tư dài hạn khác trong kỳ như sau:

|                               | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|-------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Số dư đầu kỳ                  | 109.101.234.798                               | 104.317.994.798                               |
| Các khoản đầu tư mới trong kỳ | -                                             | 4.783.240.000                                 |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>          | <b>109.101.234.798</b>                        | <b>109.101.234.798</b>                        |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

|                        | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Số dư đầu kỳ           | 32.198.628.178                                | 11.718.628.178                                |
| Tăng dự phòng trong kỳ | -                                             | 10.320.000.000                                |
| Hoàn nhập              | (6.090.011.200)                               | -                                             |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>   | <b>26.108.616.978</b>                         | <b>22.038.628.178</b>                         |

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

|                      | <b>Chi phí đất<br/>trả trước<br/>VND</b> | <b>Công cụ<br/>và dụng cụ<br/>VND</b> | <b>Tổng<br/>VND</b>   |
|----------------------|------------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------|
| Số dư đầu kỳ         | 9.389.672.100                            | 3.270.225.462                         | 12.659.897.562        |
| Tăng trong kỳ        | -                                        | 598.649.904                           | 598.649.904           |
| Phân bổ trong kỳ     | (212.326.692)                            | (280.699.237)                         | (493.025.929)         |
| <b>Số dư cuối kỳ</b> | <b>9.177.345.408</b>                     | <b>3.588.176.129</b>                  | <b>12.765.521.537</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ 7.537 triệu VND (30/6/2014: 7.689 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**14. Vay ngắn hạn**

|                                                | <b>31/12/2014<br/>VND</b> | <b>30/6/2014<br/>VND</b> |
|------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Vay ngắn hạn                                   | 508.087.374.659           | 680.795.321.740          |
| Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20) | 45.723.122.135            | 30.604.857.872           |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>                           | <b>553.810.496.794</b>    | <b>711.400.179.612</b>   |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

|                                                               | <b>Tiền tệ</b> | <b>Lãi suất<br/>năm</b> | <b>31/12/2014<br/>VND</b> | <b>30/6/2014<br/>VND</b> |
|---------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (a)                          | VND            | 4,5% - 6,6%             | 128.200.000.000           | 38.500.000.000           |
| Ngân hàng TMCP Quân đội (b)                                   | VND            | 5,5% - 6,5%             | 76.499.194.632            | 77.557.681.782           |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (c)                      | VND            | 5,4 - 6,4%              | 93.377.062.468            | 132.552.257.824          |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (d)                       | VND            | 4,5%                    | 20.000.000.000            | 20.000.000.000           |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (e)                   | VND            | 4% - 6,2%               | 172.988.055.930           | 199.707.561.249          |
| Ngân hàng TMCP Các Doanh Nghiệp Ngoại Quốc Doanh Việt Nam (f) | VND            | 4,5%                    | 17.023.061.629            | -                        |
| Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam                               | VND            | 5,5% - 6,5%             | -                         | 98.977.820.885           |
| Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam                               | VND            | 5,3%                    | -                         | 36.600.000.000           |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông                                    | VND            | 7,9%                    | -                         | 30.000.000.000           |
| Ngân hàng Thương mại Chinatrust                               | VND            | 6%                      | -                         | 21.000.000.000           |
| Ngân hàng TMCP Á Châu                                         | VND            | 6,5%                    | -                         | 15.000.000.000           |
| Ngân hàng TMCP Đại Dương                                      | VND            | 7,5%                    | -                         | 10.900.000.000           |
|                                                               |                |                         | <b>508.087.374.659</b>    | <b>680.795.321.740</b>   |

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 6.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một công ty liên quan, với giá trị đảm bảo tối thiểu là 6.000.000 Đô la Mỹ (30/6/2014: 6.000.000 Đô la Mỹ), hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ là 10 tỷ VND (30/6/2014: 53 tỷ VND) và các khoản phải thu của Công ty với giá trị ghi sổ là 86 tỷ VND (30/6/2014: 85 tỷ VND).
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai với giá trị là 50 tỷ VND (30/6/2014: 48 tỷ VND).
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 5.497 triệu VND (30/6/2014: 5.996 triệu VND), cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với giá trị là 84 tỷ VND (30/6/2014: 84 tỷ VND) và tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với giá trị là 2 tỷ VND (30/6/2014: 2 tỷ VND).
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội với giá trị là 20 tỷ VND (30/6/2014: 20 tỷ VND).
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 235 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang với giá trị là 40 tỷ VND (30/6/2014: 21 tỷ VND), Công ty Cổ phần Mía đường 333 với giá trị là 39 tỷ VND (30/6/2014: 43 tỷ VND).

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Công ty với giá trị ghi sổ là 12 tỷ VND (30/6/2014: không).

**15. Phải trả người bán**

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả cho các công ty liên quan như sau:

|                                | <b>31/12/2014</b><br><b>VND</b> | <b>30/6/2014</b><br><b>VND</b> |
|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| Phải trả các công ty liên quan | 425.920.910                     | 381.506.925                    |

Khoản phải trả thương mại cho các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**16. Thuế phải nộp Nhà nước**

|                            | <b>31/12/2014</b><br><b>VND</b> | <b>30/6/2014</b><br><b>VND</b> |
|----------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| Thuế giá trị gia tăng      | 1.299.104.840                   | 4.186.882.064                  |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 10.370.655.467                  | 13.837.096.905                 |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 25.444.978                      | -                              |
| Các loại thuế khác         | 31.325.609                      | 491.640                        |
|                            | <b>11.726.530.894</b>           | <b>18.024.470.609</b>          |

**17. Chi phí phải trả**

|                                                | <b>31/12/2014</b><br><b>VND</b> | <b>30/6/2014</b><br><b>VND</b> |
|------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| Chi phí bổ sung cuối vụ cho nông dân trồng mía | 3.102.388.112                   | 19.741.466.580                 |
| Chi phí lãi vay                                | 3.537.709.085                   | 6.458.846.802                  |
| Chi phí vận chuyển                             | -                               | 1.771.616.818                  |
| Phí tư vấn                                     | -                               | 1.053.725.416                  |
| Chi phí khác                                   | 55.555.556                      | 744.398.309                    |
|                                                | <b>6.695.652.753</b>            | <b>29.770.053.925</b>          |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**18. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

|                                                    | <b>31/12/2014</b>    | <b>30/6/2014</b>      |
|----------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
|                                                    | <b>VND</b>           | <b>VND</b>            |
| Khoản ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (*) | -                    | 20.000.000.000        |
| Phải trả cho nông dân trồng mía                    | -                    | 4.329.806.688         |
| Cổ tức phải trả                                    | 2.847.996.800        | 33.222.996.800        |
| Tiền đặt cọc đã nhận                               | -                    | 294.200.000           |
| Phải trả khác                                      | 4.052.117.601        | 2.037.238.606         |
|                                                    | <b>6.900.114.401</b> | <b>59.884.242.094</b> |

- (\*) Công ty nhận ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa theo chính sách bình ổn giá thị trường trong dịp Tết Nguyên đán năm 2014. Khoản ứng trước này chịu lãi suất năm 1,8% trong kỳ và phải hoàn trả trong vòng 6 tháng tính từ ngày nhận khoản ứng trước. Công ty đã hoàn trả khoản ứng trước này trong tháng 7 năm 2014.

**19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

|                                                    | <b>Từ 1/7/2014</b>    | <b>Từ 1/7/2013</b>    |
|----------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                    | <b>đến 31/12/2014</b> | <b>đến 31/12/2013</b> |
|                                                    | <b>VND</b>            | <b>VND</b>            |
| Số dư đầu kỳ                                       | 7.567.395.460         | 6.347.808.013         |
| Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ     | 220.000.000           | 4.433.507.956         |
| Phân loại lại từ các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.109.044.441         | -                     |
| Tăng khác                                          | -                     | 28.400.000            |
| Sử dụng trong kỳ                                   | (3.804.675.808)       | (3.658.082.418)       |
|                                                    | <b>5.091.764.093</b>  | <b>7.151.633.551</b>  |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**20. Vay và nợ dài hạn**

|                                               | <b>31/12/2014</b><br><b>VND</b> | <b>30/6/2014</b><br><b>VND</b> |
|-----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| Vay dài hạn                                   | 140.066.081.871                 | 130.070.645.807                |
| Nợ thuê tài chính                             | 47.302.743.152                  | 53.163.260.002                 |
|                                               | <hr/>                           | <hr/>                          |
|                                               | 187.368.825.023                 | 183.233.905.809                |
| Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14) | (45.723.122.135)                | (30.604.857.872)               |
|                                               | <hr/>                           | <hr/>                          |
| Hoàn trả sau 12 tháng                         | 141.645.702.888                 | 152.629.047.937                |
|                                               | <hr/>                           | <hr/>                          |

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

| Tiền tệ                                                 |     | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2014 VND  | 30/6/2014 VND   |
|---------------------------------------------------------|-----|--------------|-------------|-----------------|-----------------|
| Vay từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam                 |     |              |             |                 |                 |
| Khoản vay 1 (a)                                         | VND | 7,1% - 9%    | 2018        | 140.066.081.871 | 130.070.645.807 |
| Nợ phải trả Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu |     |              |             |                 |                 |
| Khoản vay 1 (b)                                         | VND | 9,7%         | 2020        | 47.302.743.152  | 53.163.260.002  |
|                                                         |     |              |             | 187.368.825.023 | 183.233.905.809 |

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 12.000.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất (lô số 01) tại thị xã Ninh Hòa, được ghi nhận trong tài khoản chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 7.537 triệu VND (30/6/2014: 7.689 triệu VND) và công trình trên đất, được ghi nhận trong tài khoản tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 5.359 triệu VND (30/6/2014: 5.689 triệu VND). Khoản vay này cũng được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại là 183 tỷ VND (30/6/2014: 301 tỷ VND).
- (b) Khoản nợ này có hạn mức tối đa là 2.734.000 Đô la Mỹ. Tài sản mua lại thông qua hợp đồng thuê tài chính được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa với giá trị ghi sổ là 56.797 triệu VND (30/6/2014: 56.797 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

|                            | <b>31/12/2014</b><br><b>VND</b>                  |                      |                |
|----------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|----------------|
|                            | <b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</b> | <b>Tiền lãi thuê</b> | <b>Nợ gốc</b>  |
| Trong vòng một năm         | 24.366.006.955                                   | 7.621.673.095        | 16.744.333.860 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 30.546.744.074                                   | 5.430.243.284        | 25.116.500.790 |
| Sau năm năm                | 5.683.846.684                                    | 241.938.182          | 5.441.908.502  |
|                            | <hr/>                                            | <hr/>                | <hr/>          |
|                            | 60.596.597.713                                   | 13.293.854.561       | 47.302.743.152 |

|                            | <b>30/6/2014</b><br><b>VND</b>                   |                      |                |
|----------------------------|--------------------------------------------------|----------------------|----------------|
|                            | <b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</b> | <b>Tiền lãi thuê</b> | <b>Nợ gốc</b>  |
| Trong vòng một năm         | 13.608.468.968                                   | 5.236.302.038        | 8.372.166.930  |
| Trong vòng hai đến năm năm | 45.360.458.565                                   | 11.871.790.845       | 33.488.667.720 |
| Sau năm năm                | 12.047.490.068                                   | 745.064.716          | 11.302.425.352 |
|                            | <hr/>                                            | <hr/>                | <hr/>          |
|                            | 71.016.417.601                                   | 17.853.157.599       | 53.163.260.002 |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

|                                            | Vốn cổ phần<br>VND | Thặng dư<br>vốn cổ phần<br>VND | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | Quỹ dự phòng<br>tài chính<br>VND | Lợi nhuận<br>chưa phân phối<br>VND | Tổng<br>VND      |
|--------------------------------------------|--------------------|--------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------|
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2013</b>   | 303.750.000.000    | 12.334.430.000                 | 106.796.342.738                 | 14.387.252.506                   | 120.105.338.439                    | 557.373.363.683  |
| Phát hành cổ phiếu                         | 303.750.000.000    | (201.880.000)                  | -                               | -                                | -                                  | 303.548.120.000  |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ                   | -                  | -                              | -                               | -                                | 24.241.852.567                     | 24.241.852.567   |
| Phân bổ vào các quỹ                        | -                  | -                              | 2.424.185.257                   | 1.212.092.628                    | (3.636.277.885)                    | -                |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi    | -                  | -                              | -                               | -                                | (4.433.507.956)                    | (4.433.507.956)  |
| Cổ tức                                     | -                  | -                              | -                               | -                                | (45.562.500.000)                   | (45.562.500.000) |
| <b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b> | 607.500.000.000    | 12.132.550.000                 | 109.220.527.995                 | 15.599.345.134                   | 90.714.905.165                     | 835.167.328.294  |
| Tăng khác                                  | -                  | 33.000.000                     | -                               | -                                | -                                  | 33.000.000       |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ                   | -                  | -                              | -                               | -                                | 55.452.222.060                     | 55.452.222.060   |
| Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi      | -                  | -                              | -                               | -                                | 815.089.079                        | 815.089.079      |
| Phân bổ vào các quỹ                        | -                  | -                              | 2.772.611.103                   | 2.772.611.103                    | (5.545.222.206)                    | -                |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi    | -                  | -                              | -                               | -                                | (6.545.222.206)                    | (6.545.222.206)  |
| Phân bổ vào quỹ công tác xã hội            | -                  | -                              | -                               | -                                | (1.109.044.441)                    | (1.109.044.441)  |
| Cổ tức                                     | -                  | -                              | -                               | -                                | (30.375.000.000)                   | (30.375.000.000) |
| <b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>  | 607.500.000.000    | 12.165.550.000                 | 111.993.139.098                 | 18.371.956.237                   | 103.407.727.451                    | 853.438.372.786  |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

|                                            | Vốn cổ phần<br>VND | Thặng dư<br>vốn cổ phần<br>VND | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | Quỹ dự phòng<br>tài chính<br>VND | Lợi nhuận<br>chưa phân phối<br>VND | Tổng<br>VND     |
|--------------------------------------------|--------------------|--------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|-----------------|
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014</b>   | 607.500.000.000    | 12.165.550.000                 | 111.993.139.098                 | 18.371.956.237                   | 103.407.727.451                    | 853.438.372.786 |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ                   | -                  | -                              | -                               | -                                | 69.457.374.844                     | 69.457.374.844  |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi    | -                  | -                              | -                               | -                                | (220.000.000)                      | (220.000.000)   |
| <b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b> | 607.500.000.000    | 12.165.550.000                 | 111.993.139.098                 | 18.371.956.237                   | 172.645.102.295                    | 922.675.747.630 |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

## 22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

|                                 | 31/12/2014  |                 | 30/6/2014   |                 |
|---------------------------------|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
|                                 | Số cổ phiếu | VND             | Số cổ phiếu | VND             |
| <b>Vốn cổ phần được duyệt</b>   | 60.750.000  | 607.500.000.000 | 60.750.000  | 607.500.000.000 |
| <b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> |             |                 |             |                 |
| Cổ phiếu phổ thông              | 60.750.000  | 607.500.000.000 | 60.750.000  | 607.500.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

|                             | Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 |                 | Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 |                 |
|-----------------------------|----------------------------|-----------------|----------------------------|-----------------|
|                             | Số cổ phiếu                | VND             | Số cổ phiếu                | VND             |
| Số dư đầu kỳ                | 60.750.000                 | 607.500.000.000 | 30.375.000                 | 303.750.000.000 |
| Cổ phiếu phát hành trong kỳ | -                          | -               | 30.375.000                 | 303.750.000.000 |
| Số dư cuối kỳ               | 60.750.000                 | 607.500.000.000 | 60.750.000                 | 607.500.000.000 |

Biến động thặng dư vốn cổ phần trong kỳ như sau:

|                             | Từ 1/7/2014 đến 31/12/2014 | Từ 1/7/2013 đến 31/12/2013 |
|-----------------------------|----------------------------|----------------------------|
|                             | VND                        | VND                        |
| Số dư đầu kỳ                | 12.165.550.000             | 12.334.430.000             |
| Cổ phiếu phát hành trong kỳ | -                          | (201.880.000)              |
| Số dư cuối kỳ               | 12.165.550.000             | 12.132.550.000             |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****23. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

|                                     | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Tổng doanh thu                      |                                               |                                               |
| ▪ Đường                             | 399.984.458.316                               | 329.512.391.100                               |
| ▪ Mật                               | 5.372.698.384                                 | 1.670.607.460                                 |
| ▪ Mía giống                         | -                                             | 1.167.425.000                                 |
| ▪ Điện                              | -                                             | 81.735.716                                    |
| ▪ Bùn, tro, bã                      | 180.699.086                                   | 53.107.060                                    |
| ▪ Phân bón                          | 32.127.170.488                                | 28.649.934.897                                |
| ▪ Thuốc trừ sâu                     | 1.465.992.354                                 | 1.059.613.766                                 |
| ▪ Khác                              | 510.275.570                                   | 1.196.633.810                                 |
|                                     | <hr/> 439.641.294.198                         | <hr/> 363.391.448.809                         |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu |                                               |                                               |
| ▪ Giảm giá hàng bán                 | (57.065.924)                                  | (771.590.000)                                 |
| ▪ Hàng bán bị trả lại               | (2.082.376.210)                               | -                                             |
|                                     | <hr/> (2.139.442.134)                         | <hr/> (771.590.000)                           |
| Doanh thu thuần                     | <hr/> 437.501.852.064                         | <hr/> 362.619.858.809                         |

**24. Giá vốn hàng bán**

|                  | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Giá vốn hàng bán |                                               |                                               |
| ▪ Đường          | 314.894.289.883                               | 258.651.894.959                               |
| ▪ Mật            | 5.372.698.384                                 | 1.670.607.460                                 |
| ▪ Mía giống      | -                                             | 1.761.111.500                                 |
| ▪ Điện           | -                                             | 81.735.716                                    |
| ▪ Bùn, tro, bã   | 206.907.668                                   | 40.875.064                                    |
| ▪ Phân bón       | 28.909.051.040                                | 27.478.761.399                                |
| ▪ Thuốc trừ sâu  | 1.348.597.392                                 | 983.956.826                                   |
| ▪ Khác           | 665.348.175                                   | 1.149.300.476                                 |
|                  | <hr/> 351.396.892.542                         | <hr/> 291.818.243.400                         |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                                                  | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Lãi từ khoản trả trước cho nông dân để trồng mía | 5.891.461.168                                 | 8.573.694.816                                 |
| Thu nhập cổ tức                                  | 4.516.648.000                                 | 9.439.939.200                                 |
| Lãi từ tiền gửi ngân hàng                        | 788.417.398                                   | 2.656.952.221                                 |
| Lãi từ các khoản cho công ty liên quan vay       | 192.306.265                                   | -                                             |
| Lãi từ các khoản cho các công ty khác vay        | 3.004.701.389                                 | -                                             |
| Lãi do thanh toán chậm                           | 6.324.295.686                                 | -                                             |
| Lãi từ các khoản ứng trước tiền mua hàng         | -                                             | 1.400.675.401                                 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác               | 118.670.858                                   | -                                             |
|                                                  | <b>20.836.500.764</b>                         | <b>22.071.261.638</b>                         |

**26. Chi phí tài chính**

|                                            | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Chi phí lãi vay                            | 23.487.084.639                                | 16.867.250.375                                |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | (6.090.011.200)                               | 10.320.000.000                                |
| Chi phí tài chính khác                     | 452.821.086                                   | 1.092.958.944                                 |
|                                            | <b>17.849.894.525</b>                         | <b>28.280.209.319</b>                         |

**27. Thu nhập khác**

|                                                         | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Thu nhập từ bán máy móc và thiết bị cho một công ty con | 250.505.241.314                               | -                                             |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định                    | 801.703.636                                   | 900.000.000                                   |
| Thu nhập từ bán mía giống                               | 1.106.190.687                                 | 596.466.666                                   |
| Thu nhập từ thanh lý vật tư, phế liệu                   | 2.700.666.976                                 | 510.783.545                                   |
| Thu nhập khác                                           | 966.112.934                                   | 104.974.411                                   |
|                                                         | <b>256.079.915.547</b>                        | <b>2.112.224.622</b>                          |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****28. Chi phí khác**

|                                                        | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Nguyên giá máy móc và thiết bị bán cho một công ty con | 250.505.241.314                               | -                                             |
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý           | 848.884.448                                   | 851.486.190                                   |
| Giá vốn của vật tư thanh lý                            | 214.721.280                                   | 451.490.375                                   |
| Chi phí trồng mía giống                                | 1.112.352.025                                 | 751.082.702                                   |
| Chi phí khấu hao nhà cho thuê                          | -                                             | 201.950.178                                   |
| Phạt vi phạm hành chính                                | -                                             | 49.150.079                                    |
| Chi phí khác                                           | 472.043.774                                   | -                                             |
|                                                        | <hr/> 253.153.242.841                         | <hr/> 2.305.159.524                           |

**29. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

|                                            | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hiện hành | 14.079.739.761                                | 6.263.882.081                                 |
| Kỳ hiện hành                               | (15.689.842.460)                              | -                                             |
| Dự phòng thừa trong những kỳ trước         |                                               |                                               |
|                                            | <hr/> (1.610.102.699)                         | <hr/> 6.263.882.081                           |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

|                                                                          | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế                                                     | 67.847.272.145                                | 30.505.734.648                                |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty                                     | 13.569.454.429                                | 7.626.433.662                                 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế                                         | 483.815.503                                   | 203.039.466                                   |
| Thu nhập không bị tính thuế                                              | (903.329.600)                                 | (1.565.591.047)                               |
| Dự phòng thừa trong những kỳ trước                                       | (15.689.842.460)                              | -                                             |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác | 929.799.429                                   | -                                             |
|                                                                          | <b>(1.610.102.699)</b>                        | <b>6.263.882.081</b>                          |

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2006 đến năm 2015). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2007) và giảm 50% thuế thu nhập trong 6 năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22%.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

**30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 69.457.374.844 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 24.241.852.567 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 60.750.000 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 34.087.500), được tính như sau:



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

|                                            | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Lợi nhuận thuần trong kỳ                   | 69.457.374.844                                | 24.241.852.567                                |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | 69.457.374.844                                | 24.241.852.567                                |

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân gia quyền**

|                                                           | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>Số cổ phiếu</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>Số cổ phiếu</b> |
|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ                    | 60.750.000                                            | 30.375.000                                            |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 12 năm 2013 | -                                                     | 3.712.500                                             |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông       | 60.750.000                                            | 34.087.500                                            |

**31. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Phản thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

Ban Kiểm soát của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, các khoản trả trước cho nông dân để trồng mía, tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay phải thu từ công ty liên quan và bên thứ ba.

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

|                                                                         | 31/12/2014<br>VND      | 30/6/2014<br>VND       |
|-------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền gửi ngân hàng (ii)                                                 | 67.844.492.260         | 19.899.439.704         |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào tiền gửi có kỳ hạn (ii)         | 57.000.000.000         | 22.000.000.000         |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho công ty con vay (iii) | 3.000.000.000          | 1.200.000.000          |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho bên thứ ba vay (iv)   | 28.000.000.000         | -                      |
| Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác (v)                      | 353.027.020.236        | 657.360.388.570        |
| Trả trước cho người bán (vi)                                            | 190.982.052.957        | 124.590.375.278        |
|                                                                         | <b>699.853.565.453</b> | <b>825.050.203.552</b> |

**(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào tiền gửi có kỳ hạn**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào tiền gửi có kỳ hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(iii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho công ty con vay**

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn liên quan đến khoản cho công ty con vay. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ khoản cho vay này và không cho rằng công ty con này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(iv) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào khoản cho một bên thứ ba vay**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản cho một bên thứ ba vay. Công ty có thể chịu rủi ro tín dụng nếu bên thứ ba không có khả năng thanh toán. Ban Tổng Giám đốc đối phó với những rủi ro này bằng cách liên tục kiểm soát tình hình tài chính của bên thứ ba.

Công ty tin rằng, không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn nào cần thiết phải lập cho các khoản cho vay này.

**(v) Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 7 ngày hoặc 10 ngày hoặc 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 7 ngày hoặc 10 ngày hoặc 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Công ty tin rằng không có khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

|                          | 31/12/2014<br>VND | 30/6/2014<br>VND |
|--------------------------|-------------------|------------------|
| Trong hạn                | 352.912.080.239   | 308.832.759.294  |
| Quá hạn từ 0 – 30 ngày   | 5.390.000         | 122.355.886.378  |
| Quá hạn từ 31 – 180 ngày | 109.549.997       | 226.171.742.898  |
|                          | <hr/>             | <hr/>            |
|                          | 353.027.020.236   | 657.360.388.570  |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****(vi) Trả trước cho người bán**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty. Người nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước như sau:

|                        | 31/12/2014<br>VND | 30/6/2014<br>VND |
|------------------------|-------------------|------------------|
| Trong hạn              | 190.503.057.602   | 124.208.592.054  |
| Quá hạn từ 0 – 30 ngày | -                 | 545.310.245      |
| Quá hạn trên 180 ngày  | 664.925.762       | 162.149.339      |
|                        | <hr/>             | <hr/>            |
|                        | 191.167.983.364   | 124.916.051.638  |

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

|               | Từ 1/7/2014<br>đến 31/12/2014<br>VND | Từ 1/7/2013<br>đến 31/12/2013<br>VND |
|---------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| Số dư đầu kỳ  | 325.676.360                          | 326.198.329                          |
| Hoàn nhập     | (139.745.953)                        | (44.812.727)                         |
|               | <hr/>                                | <hr/>                                |
| Số dư cuối kỳ | 185.930.407                          | 281.385.602                          |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Ngày 31 tháng 12 năm 2014**

|                                      | Giá trị ghi sổ<br>VND | Dòng tiền theo<br>hợp đồng<br>VND | Trong vòng 1 năm<br>VND | 1 – 2 năm<br>VND | 2 – 5 năm<br>VND | Hơn 5 năm<br>VND |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|-------------------------|------------------|------------------|------------------|
| <b>Vay và nợ ngắn hạn</b>            |                       |                                   |                         |                  |                  |                  |
| Vay ngắn hạn                         | 508.087.374.659       | 514.842.206.169                   | 514.842.206.169         | -                | -                | -                |
| Phải trả người bán                   | 48.957.492.983        | 48.957.492.983                    | 48.957.492.983          | -                | -                | -                |
| Phải trả người lao động              | 3.073.083.974         | 3.073.083.974                     | 3.073.083.974           | -                | -                | -                |
| Các khoản phải trả, phải<br>nộp khác | 6.900.114.401         | 6.900.114.401                     | 6.900.114.401           | -                | -                | -                |
| Chi phí phải trả                     | 6.695.652.753         | 6.695.652.753                     | 6.695.652.753           | -                | -                | -                |
| <b>Vay và nợ dài hạn</b>             |                       |                                   |                         |                  |                  |                  |
| Vay và nợ dài hạn                    | 187.368.825.023       | 219.008.496.093                   | 58.542.961.260          | 55.042.610.953   | 99.739.077.196   | 5.683.846.684    |
|                                      | 761.082.543.793       | 799.477.046.373                   | 639.011.511.540         | 55.042.610.953   | 99.739.077.196   | 5.683.846.684    |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**Ngày 30 tháng 6 năm 2014**

|                                      | <b>Giá trị ghi sổ<br/>VND</b> | <b>Dòng tiền theo<br/>hợp đồng<br/>VND</b> | <b>Trong vòng 1 năm<br/>VND</b> | <b>1 – 2 năm<br/>VND</b> | <b>2 – 5 năm<br/>VND</b> | <b>Hơn 5 năm<br/>VND</b> |
|--------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Vay và nợ ngắn hạn</b>            |                               |                                            |                                 |                          |                          |                          |
| Vay ngân hàng                        | 680.795.321.740               | 689.666.474.545                            | 689.666.474.545                 | -                        | -                        | -                        |
| Phải trả người bán                   | 77.650.872.646                | 77.650.872.646                             | 77.650.872.646                  | -                        | -                        | -                        |
| Phải trả người lao động              | 10.851.139.921                | 10.851.139.921                             | 10.851.139.921                  | -                        | -                        | -                        |
| Các khoản phải trả, phải<br>nộp khác | 59.884.242.094                | 59.884.242.094                             | 59.884.242.094                  | -                        | -                        | -                        |
| Chi phí phải trả                     | 29.770.053.925                | 29.770.053.925                             | 29.770.053.925                  | -                        | -                        | -                        |
| <b>Vay và nợ dài hạn</b>             |                               |                                            |                                 |                          |                          |                          |
| Vay và nợ dài hạn                    | 183.233.905.809               | 224.960.765.331                            | 54.240.243.389                  | 50.618.211.229           | 108.054.820.645          | 12.047.490.068           |
|                                      | 1.042.185.536.135             | 1.092.783.548.462                          | 922.063.026.520                 | 50.618.211.229           | 108.054.820.645          | 12.047.490.068           |

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro hối đoái**

Công ty không có rủi ro hối đoái trọng yếu do chủ yếu các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, 628 tỷ VND (30/6/2014: 547 tỷ VND) nợ phải trả của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

|                                                    | Giá trị ghi sổ          |                         |
|----------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
|                                                    | 31/12/2014<br>VND       | 30/6/2014<br>VND        |
| <b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>   |                         |                         |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn                | 88.000.000.000          | 23.200.000.000          |
| Trả trước cho người bán                            | 190.982.052.957         | 124.590.375.278         |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác                  | -                       | (20.000.000.000)        |
|                                                    | <hr/> 278.982.052.957   | <hr/> 127.790.375.278   |
| <b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b> |                         |                         |
| Tiền gửi ngân hàng                                 | 67.844.492.260          | 19.899.439.704          |
| Phải thu khách hàng                                | -                       | 297.242.853.270         |
| Vay ngắn hạn                                       | (508.087.374.659)       | (680.795.321.740)       |
| Vay và nợ dài hạn                                  | (187.368.825.023)       | (183.233.905.809)       |
|                                                    | <hr/> (627.611.707.422) | <hr/> (546.886.934.575) |

Việc tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 5 tỷ VND (30/6/2014: 4,3 tỷ VND) lợi nhuận thuần của Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN****(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

|                                                                             | <b>Giá trị ghi sổ</b> |                  |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------|
|                                                                             | <b>31/12/2014</b>     | <b>30/6/2014</b> |
|                                                                             | <b>VND</b>            | <b>VND</b>       |
| Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:                            |                       |                  |
| - Tiền                                                                      | 67.917.313.122        | 19.932.166.208   |
| - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn                                       | 88.000.000.000        | 23.200.000.000   |
| - Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác                            | 353.027.020.236       | 657.360.388.570  |
| - Trả trước cho người bán                                                   | 190.982.052.957       | 124.590.375.278  |
| Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:                        |                       |                  |
| - Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu                               | 109.101.234.798       | 109.101.234.798  |
| Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: |                       |                  |
| - Phải trả người bán và phải trả khác                                       | 55.857.607.384        | 137.535.114.740  |
| - Các khoản nợ ngắn hạn khác                                                | 9.768.736.727         | 40.621.193.846   |
| - Các khoản vay và nợ                                                       | 695.456.199.682       | 864.029.227.549  |

*Tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, trả trước cho người bán, phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác, các khoản vay ngắn hạn và các khoản nợ ngắn hạn khác*

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

**Vay và nợ dài hạn**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*Đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu*

| Thuyết minh                                                            | 31/12/2014         |                    | 30/6/2014          |                    |
|------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
|                                                                        | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND |
| Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (i)                                     | 1.401.234.798      | 1.399.776.000      | 1.401.234.798      | 1.399.776.000      |
| Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (ii)                                      | 84.000.000.000     |                    | 84.000.000.000     |                    |
| Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín (ii)                        | 19.500.000.000     |                    | 19.500.000.000     |                    |
| Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (ii) | 4.200.000.000      |                    | 4.200.000.000      |                    |
|                                                                        | 109.101.234.798    | 1.399.776.000      | 109.101.234.798    | 1.399.776.000      |

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xác định theo giá tham chiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- (ii) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai, Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín và Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công chưa niêm yết hoặc chưa được giao dịch trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các khoản đầu tư này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

### **32. Các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

|                                              | Từ 1/7/2014<br>đến 31/12/2014<br>VND | Từ 1/7/2013<br>đến 31/12/2013<br>VND |
|----------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán    | 42.395.669.925                       | -                                    |
| Thanh lý tài sản cố định nhưng chưa thu được | 252.072.741.314                      | -                                    |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với công ty liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan trong kỳ như sau:

|                                                    | <b>Giá trị giao dịch</b>                      |                                               |
|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|                                                    | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
| <b>Cổ đông</b>                                     |                                               |                                               |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công</b>     |                                               |                                               |
| Bán hàng hóa                                       | 95.626.176.555                                | 154.897.642.443                               |
| Mua tài sản cố định                                | -                                             | 1.082.312.967                                 |
| Nhận tiền ứng trước mua hàng hóa                   | -                                             | 2.000.000.000                                 |
| Chi phí lãi vay từ tạm ứng mua hàng hóa            | -                                             | 206.454.606                                   |
| Phí dịch vụ tư vấn                                 | 1.956.772.092                                 | 552.790.546                                   |
| Tạm ứng cho dịch vụ tư vấn                         | -                                             | 441.884.000                                   |
| Cổ tức đã trả                                      | -                                             | 8.851.500.000                                 |
| Lãi do thanh toán chậm                             | 2.438.246.798                                 | 585.442.163                                   |
| Cho vay ngắn hạn                                   | -                                             | 50.000.000.000                                |
| Thu nhập lãi                                       | -                                             | 179.736.112                                   |
| <b>Các công ty con</b>                             |                                               |                                               |
| <b>Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung</b>         |                                               |                                               |
| Bán hàng hóa                                       | -                                             | 3.646.058.994                                 |
| Thu nhập lãi                                       | 192.306.265                                   | 15.919.950                                    |
| Phí quản lý đất                                    | 66.000.000                                    | 66.000.000                                    |
| Cho vay ngắn hạn                                   | 3.800.000.000                                 | -                                             |
| Mua mía nguyên liệu                                | 666.498.000                                   | -                                             |
| <b>Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa</b>        |                                               |                                               |
| Góp vốn                                            | 100.000.000.000                               | 92.000.000.000                                |
| Cho vay                                            | -                                             | 51.900.000.000                                |
| Chi trả hộ                                         | 2.476.256.741                                 | 2.663.339.860                                 |
| Thu nhập lãi từ các khoản vay                      | -                                             | 571.111.000                                   |
| Bán tài sản cố định                                | 250.505.241.314                               | -                                             |
| <b>Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang</b>         |                                               |                                               |
| Thanh lý tài sản cố định hữu hình, nguyên vật liệu | 128.160.000                                   | 300.000.000                                   |
| Mua đường                                          | -                                             | 320.285.714                                   |
| Bán mía giống                                      | 58.821.000                                    | -                                             |

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

|                                                          | <b>Giá trị giao dịch</b>                      |                                               |
|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|                                                          | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
| <b>Các bên liên quan khác</b>                            |                                               |                                               |
| <b>Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai</b>    |                                               |                                               |
| Thu nhập từ cổ tức                                       | 4.400.000.000                                 | -                                             |
| <b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b> |                                               |                                               |
| Tiền lương và thù lao                                    | 3.594.593.252                                 | 4.297.016.457                                 |

**34. Cam kết vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

|                                     | <b>31/12/2014<br/>VND</b> | <b>30/6/2014<br/>VND</b> |
|-------------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng | 38.209.256.532            | 59.544.862.888           |

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

|                                                | <b>Từ 1/7/2014<br/>đến 31/12/2014<br/>VND</b> | <b>Từ 1/7/2013<br/>đến 31/12/2013<br/>VND</b> |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất | 11.660.000                                    | 67.261.681.902                                |
| Chi phí nhân công                              | 8.791.822.928                                 | 12.249.417.288                                |
| Chi phí khấu hao và phân bổ                    | 4.474.677.233                                 | 1.284.415.193                                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                      | 7.995.981.316                                 | 15.298.885.872                                |
| Chi phí khác                                   | 6.873.675.197                                 | 4.382.979.428                                 |

Ngày 27 tháng 2 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Như Hiếu

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thu Trang

Giám đốc tài chính

Võ Thị Thủy Tiên

Tổng Giám đốc



Trần Kim Dũng